Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BÌNH TUYỀN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Tỉnh lộ 302B (Hương Canh Trung Mỹ)	Đoạn từ giáp xã Bá Hiến đến hết Bảng tin		8.100	4.100	2.700	4.700	3.600	2.500	3.500	2.700	1.900	93	381	86	49;84
		Đoạn từ giáp bảng tin đến hồ chứa nước Thanh Lanh		8.100	4.100	2.700	5.700	4.200	3.000	4.200	3.200	2.300	86	49;84	18	541;542
		Khu tái định cự phụ vụ GPMB Khu công nghiệp Bá Thiện II		8.100	6.500		5.700	4.600		4.000	3.200					
2	Đường từ UBND xã đến đập Trung Mầu			7.500	4.100	2.700	3.800	2.800	2.100	2.800	2.100	1.600	75	816	75	371;849
3	Đường từ đập Trung Mầu đến hết trại lợn thuộc xã Trung Mỹ			5.300	3.000	1.700	3.700	2.800	1.300	2.800	2.100	1.000	75	371;849	1	80
4	Đường từ Trung đoàn 9 vào xóm Gia Khau			4.200	3.000	1.700	2.700	2.400	1.300	2.100	1.800	1.000	82	21	59	421;771
5	Đường từ bảng tin (nhà ông Dương Tư) đến hết ao Ba Gò			4.800	3.000	1.700	3.300	2.400	1.300	2.400	1.800	1.000	86	853	86	769;839
6	Đường từ hết ao Ba Gò đến hết dốc Tam Sơn			3.200	3.000	1.700	2.800	2.400	1.300	2.100	1.800	1.000	86	839;769	87	244;157
7	Đường từ hết dốc Tam Sơn đến hết thôn Vĩnh Đồng			3.200	3.000	1.700	2.300	2.400	1.300	1.700	1.800	1.000	87	244;157	101	142;121
8	Đường từ hết thôn Vĩnh Đồng đến cầu đen (Trường đoàn cũ) (Các ô tiếp giáp mặt đường)	Đoạn từ Cầu Đen đến hết khu Hồ Rồng		4.800	3.000	1.700	3.300	2.400	1.300	2.400	1.800	1.000	101	297	96	392
		Đoạn từ khu Hồ Rồng đến hết thôn Vĩnh Đồng		4.200	3.000	1.700	2.700	2.400	1.300	2.100	1.800	1.000	96	392	96	1
9	Đường từ bảng tin (Nhà Dương Tư) đến ngã tư thôn Trung Mầu (Các ô tiếp giáp mặt đường)			5.300	3.000	1.700	3.700	2.800	1.300	2.800	2.100	1.000	86	853	75	485;650
10	Đường từ dốc Tam Sơn đến hết thôn Mỹ Khê			4.200	3.000	1.700	2.700	2.400	1.300	2.100	1.800	1.000	87	244;157	102	36;37
11	Đường từ thôn Mỹ Khê đến thôn Vĩnh Đồng			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	2	36;37	96	1
12	Đường từ ngã 3 Thanh Lanh đi 338			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	18	437;438	17	517
13	Đường từ ngã 3 trại lợn qua Gia Khau đi Hồ Trại Ngỗng			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	78	70	70	142
14	Đường từ Mỹ Khê đi hồ Đồng Câu			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	3	16	103	99
15	Đường từ dốc Tam Sơn đi Đông Thành, Cơ khí			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	87	244;157	94	498
16	Đường từ ngã 3 nhà ông, bà Hợi Dậu đi xóm Đồng Lớn (cũ)			3.200	2.400	1.500	2.300	1.900	1.200	1.700	1.400	900	104	607	104	141
17	Các ô đất giãn dân tại Khu đất dịch vụ, giãn dân, tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Cù - thôn Đồng Giang, khu Đồng Vai - thôn Trung Mầu và thôn Ba Gò	Trục chính tiếp giáp với đường tỉnh (ĐT.302B)		12.000			8.400			5.900						
		các ô nằm trong đường quy hoạch mặt cắt 13,5m		10.000			7.000			4.900						
18	Khu TĐC Gia Khau	TĐC1- 01 đến TĐC-08		4.200			3.200			2.100			59	856	59	851
		TĐC-09 đến TĐC12		4.200			3.200			2.100						
19	Đường từ cổng UBND xã đến ngã tư Trung Mầu (Nhà ông Đang)			4.800	3.000	1.700	3.300			2.400						
20	Đường từ ngã tư thôn Trung Mầu (Nhà ông Trương Quốc Chiến) đến nhà ông Phó Đức Thanh thôn Trung Mầu			3.200	3.000	1.700	2.400			1.600						
21	Đường từ ngã tư công ty Kiều Thi (đường D3) đến khu 338 thôn Thanh Lanh			3.200	3.000	1.700	2.400			1.600						
22	Tuyến từ nhà ông Lưu Văn Hai thôn Đồng Giang đến hộ ông Diệp Quang Vinh khu Đồng Lừng, thôn Đồng Giang			3.200	2.800	1.700	3.000			2.400						
23	Từ hộ ông Nguyễn Văn Mậu thôn Trung Mầu đến Trụ sở Chi nhánh công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Đà (cũ)			3.200	2.200	1.700	3.000			2.100						
24	Đường từ hộ ông Diệp Văn Dũng thôn Mỹ Khê đến hồ La Cóc thôn Mỹ Khê			3.500	2.500	1.700	3.200			2.650						
25	Từ hộ ông Trương Văn Định đến hộ ông Trương Văn Hoà thôn Trung Mầu			4.200	3.000	1.700	3.200			2.100						
26	Từ hộ ông Triệu Văn Minh đến hộ ông Nguyễn Văn Lợi thôn Thanh Lanh			3.200	2.400	1.500	2.400			1.600						
27	Tỉnh lộ 302B (Hương Canh Trung Mỹ)	Đoạn từ giáp xã Tam Hợp đến đường Nguyễn Tất Thành		15.200	7.300	4.900	4.400	3.200	3.000	3.500	2.400	1.800	53	262	7	63
		Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết Xí nghiệp gạch Bá Hiến		8.900	4.400	2.800	6.200	3.200	2.100	4.600	2.400	1.800	34	121	53	262
		Đoạn từ hết Xí nghiệp gạch Bá Hiến đến hết địa phận xã Bá Hiến		6.100	2.900	1.900	4.400	2.100	1.400	3.300	1.600	1.000	1	105	34	121
28	Tỉnh lộ 310 (Đại Lải Đạo Tú)			7.700	3.600	2.800	5.300	3.100	2.100	4.000	3.100	1.600	8	11	16	180
29	Đoạn đường 36 m khu công nghiệp			15.200	7.300	2.800	7.100	6.400	2.100	5.300	4.800	1.600	9	266	53	221
30	Đường từ ngã tư quán Dói đến cầu Đen			5.000	2.500	1.900	3.500	2.100	1.400	2.700	1.600	1.000	16	103; 307	20; 21	705; 431
31	Đường từ chợ Bá Hiến đến hết làng Vinh Tiến			5.000	2.500	1.900	2.700	1.600	1.500	2.000	1.200	1.100	19	1941;1630	33	47
32	Đường từ Trường Tiểu học B đến đầu làng Thống Nhất			5.000	2.500	1.900	4.400	2.500	1.400	3.300	1.900	1.000	48	156	47	252; 755
33	Đường từ Quang Vinh đi Trại Cúp			4.800	2.400	1.800	3.100	2.100	1.300	2.300	1.600	1.000	41	12		Khu QH Trại Cúp
34	Đoạn đường từ Bưu điện Văn hóa thị trấn đến hết đất Trạm xá			4.800	2.400	1.800	2.600	1.600	1.400	2.000	1.200	1.000	41	98; 91	41	154
35	Đoạn đường từ Trạm xá đến ngã 4 Thích Trung			2.600	1.800	1.200	1.700	1.400	900	1.300	1.000	700	41	154	23	50
36	Đoạn đường từ đầu làng Vinh Tiến đến My Kỳ			5.900	2.900	1.800	4.300	2.600	1.400	3.200	2.000	1.000	15	38;39	19;25	641;177

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
37	Đoạn đường từ đầu làng Bảo Sơn đến đường rẽ Lăm Bò			5.900	3.600	1.800	4.300	3.100	1.300	3.200	2.300	1.000	9	272; 274	14;19	1055; 34
38	Đường từ Quán Đá đi đến đầu làng Văn Giáo			5.900	2.900	1.800	3.400	2.100	1.300	2.600	1.600	1.000	48	17; 21	49	486; 510
39	Đường từ 302B rẽ đi đê Hến đến nhà bà Ỷ			3.600	1.800	1.200	1.800	1.400	900	1.800	900	600	53	524; 547	66	109; 353
40	Đoạn đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa phận xã Bá Hiến			12.200	7.300	3.300	7.100	4.300	2.600	5.300	3.200	1.900	62	674	37	83
41	Khu vực TĐC Trại Cúp			12.200			7.200			6.100						
42	Khu vực TĐC Gò Bồng			12.200			7.200			6.100						
43	Khu đất giãn dân, đấu giá, TĐC thôn Tân Ngọc Thống Nhất Bắc Kế			5.000			3.000			2.500						
44	Khu đất dịch vụ Đê Hến	Thửa đất tiếp giáp đường > 13,5m		8.000			7.200			6.100						
		Thửa đất tiếp giáp đường ≤ 13,5m		5.000			3.600			3.050						
45	Khu đất giãn dân khu Bãi Chợ, thôn Thích Chung, Thị trấn Bá Hiến			3.600			2.150			1.800						
46	Khu đất giãn dân thôn Bảo Sơn và My Kỳ, Thị trấn Bá Hiến			4.500			2.200			1.900						
47	Khu đất dịch vụ , giãn dân, đấu giá thôn Vinh Tiến			3.800			2.200			1.900						
48	Khu tái định cư, giãn dân Trại Lợn My Kỳ	Vị trí giáp với đường Tỉnh ĐT.310		15.000			11.000			7.000						
		Vị trí còn lại		4.500			3.500			3.250						
49	Giá đất Khu quy hoạch Đồng Miếu			4.500	3.200	2.000	4.300	2.500	2.400	3.200	1.900	1.800				
50	Đoạn từ Đầu làng Thống Nhất qua nhà thờ Tân Ngọc đến tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành			5.900	4.800	3.500	4.300	2.500	2.400	3.200	1.900	1.800	47	252; 755	46	922; 463
51	Đoạn Từ Nhà Văn Hóa cũ Thống Nhất đến hết làng Bắc Kế			5.500	4.300	3.200	4.300	2.500	2.400	3.200	1.900	1.800	14	30	47	887; 700
52	Đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành Thuộc Địa Phận Bá Hiến đến hết khu Trại Dọi TDP Văn Giáo			5.900	4.800	3.500	4.300	2.500	2.400	3.200	1.900	1.800	61	75	55	424
53	Đoạn từ tiếp giáp với TL302B từ nhà ông Phúc Tầng đến nhà ông Lồng Thơm			4.800	2.400	1.800	2.900	2.400	1.050	2.400	1.200	900				
54	Đoạn từ tiếp giáp với TL302B từ nhà ông Hôm Luận đến nhà ông Ba Nhớ			4.800	2.400	1.800	2.900	2.400	1.050	2.400	1.200					
55	Khu giãn dân Đồng Hoàn, TDP Vinh Tiến	Các ô tiếp giáp với đường 302B		6.100			3.600			3.050						
		Các ô còn lại không tiếp giáp đường 302B		2.400			1.300			1.200						
56	Đoạn Tiếp giáp Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 4 Thích Chung			5.300	3.000	1.700	3.100	1.800	1.050	2.650	1.500					
57	Đoạn Tiếp giáp Đường TL.302B từ nhà ông Quân (Hằng) thôn My Kỳ đến tiếp giáp đường 310 Đạo Tú-Đại Lải			4.200	3.000	1.700	2.500	1.800	1.050	2.100	1.500					
58	Đoạn tiếp giáp đường TL.302B từ xí nghiệp gạch Bá Hiến đến Nhà Văn Hoá Thiện Chi			3.200	2.400	1.500	1.850	1.350	900	1.600	1.200					
59	Đoạn Tiếp giáp Đường tỉnh 302B từ nhà ông Quân (Hằng) thôn My Kỳ đến tiếp giáp đường 310 Đạo Tú-Đại Lải			3.200	2.400	1.500	1.850	1.350	900	1.600	1.200					
60	Đường Nguyễn Văn Linh thuộc địa phận Bá Hiến			3.200	2.400	1.500	1.850	1.350	900	1.600	1.200					
61	Đoạn Tiếp giáp Đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa phận Bá Hiến đến Nhà Văn Hoá Đê Hến			3.200	2.400	1.500	1.850	1.350	900	1.600	1.200					
62	Đoạn Tiếp giáp đường 310B từ Nhà ông Sáng (Ngâm) thôn Đê Hến đến nhà ông Kính Tâm thôn Đê Hến			3.200	2.400	1.500	1.850	1.350	900	1.600	1.200					